|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **BÁO GIẢNG TUẦN 18 (TỪ NGÀY 1/1/2024 ĐẾN NGÀY 5/1/2024)** | | | | | | | |
| **THỨ** | **TIẾT** | | **MÔN** | **TIẾT THỨ** | **NỘI DUNG BÀI DẠY** | **ƯDCNTT** | **ĐỒ DÙNG  DẠY HỌC** |
| **Hai 1/1** | **S** | 1 |  |  |  |  |  |
| 2 |  |  |  |  |  |
| 3 |  |  |  |  |  |
| 4 |  |  | Nghỉ tết dương lịch |  |  |
| **C** | 5 |  |  |  |  |  |
| 6 |  |  |  |  |  |
| 7 |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |
| **Ba 2/1** | **S** | 1 | **Tiếng Anh** | 35 | Test 2 (Kiểm tra cuối học kì I) |  |  |
| 2 | **Toán** | 86 | Diện tích hình tam giác | Soi bài | Máy tính, tivi, máy soi |
| 3 | **Tập đọc** | 35 | Ôn tập học kì I (Tiết 1) | Soi bài | Máy tính, tivi, máy soi |
| 4 | **Chính tả** | 18 | Ôn tập học kì I (Tiết 2) | Soi bài | Máy tính, tivi, máy soi |
| **C** | 5 | **Lịch sử** | 18 | Kiểm tra cuối học kì I |  | Đề kiểm tra |
| 6 | **LTVC** | 35 | Ôn tập học kì I (Tiết 3) | Soi bài | Máy tính, tivi, máy soi |
| 7 | **Thể dục** | 35 | Đi đều vòng trái, đổi chân khi đi đều sai nhịp -Trò chơi: “Chạy tiếp sức theo vòng tròn” |  | Còi, sân tập. |
| 8 |  |  |  |  |  |
| **Tư 3/1** | **S** | 1 | **Toán** | 87 | Luyện tập | Soi bài | Máy tính, tivi, máy soi |
| 2 | **Âm nhạc** | 18 | Ôn tập 2 bài hát: Những bông hoa những bài ca; Ước mơ. Ôn tập TĐN số 4 |  |  |
| 3 | **Kể chuyện** | 18 | Ôn tập học kì I (Tiết 4) | Soi bài | Máy tính, tivi. |
| 4 | **Tập đọc** | 36 | Ôn tập học kì I (Tiết 5) | Soi bài | Máy tính, tivi |
| **C** | 5 | **Kĩ thuật** | 18 | Thức ăn nuôi gà | Chiếu tranh | Máy tính, tivi |
| 6 | **Toán** | 88 | Luyện tập chung | Soi bài | Máy tính, tivi, máy soi |
| 7 | **Đạo đức** | 18 | Thực hành cuối kì 1 | Soi bài | Máy tính, tivi, máy soi |
| 8 |  |  |  |  |  |
| **Năm 4/1** | **S** | 1 | **Tiếng Anh** | 36 | Chữa, trả bài |  |  |
| 2 | **Toán** | 89 | KTĐK cuối học kì I | Đề kiểm tra | Đề kiểm tra |
| 3 | **TLV** | 35 | Ôn tập học kì I (Tiết 6) | Soi bài | Máy tính, tivi, máy soi |
| 4 | **LTVC** | 35 | KTĐK (Đọc) (Tiết 7) |  | Đề kiểm tra |
| **C** | 5 | **Địa lí** | 18 | Kiểm tra cuối học kì 1 |  | Đề kiểm tra |
| 6 | **Khoa học** | 35 | Sự chuyển thể của chất | Soi bài | Máy tính, tivi, máy soi |
| 7 | **Thể dục** | 36 | Sơ kết học kì 1 |  | Còi, sân tập. |
| 8 |  |  |  |  |  |
| **Sáu 5/1** | **S** | 1 | **Toán** | 90 | Hình thang | Soi bài | Máy tính, tivi, máy soi |
| 2 | **Mĩ Thuật** | 18 | Chủ đề 7: Tìm hiểu tranh theo chủ đề: Ước mơ của em (Tiết 2) |  |  |
| 3 | **TLV** | 36 | KTĐK (Viết) (Tiết 8) |  | Đề kiểm tra |
| 4 | **Khoa học** | 36 | Hỗn hợp | Chiếu tranh | Máy tính, tivi |
| **C** | 5 |  |  |  |  |  |
| 6 |  |  |  |  |  |
| 7 |  |  |  |  |  |
| 8 |  |  |  |  |  |

**KẾ HOẠCH BÀI DẠY TUẦN 18**

**Thứ Hai ngày 1 tháng 1 năm 2024**

**Nghỉ Tết dương lịch**

**Thứ Ba ngày 2 tháng 1 năm 2024**

**Tiết 2 TOÁN**

**Diện tích hình tam giác**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

**1. Kiến thức, kĩ năng**: Giúp học sinh.

- Nắm đư­ợc quy tắc tính diện tích 1 hình tam giác.

- Biết vận dụng quy tắc tính diện tích hình tam giác vào làm các bài tập có liên quan

**2. Năng lực:** HS tích cực chủ động vận dụng kiến thức tính diện tích hình tam giác vào làm tính và giải toán nhanh, chính xác, cách trình bày gọn gàng, khoa học.

**3. Phẩm chất:** Rèn luyện phẩm chất yêu thích học môn Toán.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

- TV, MT, MS phấn màu, 2 hình tam giác bằng nhau, kéo.

**III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của thầy** | **Hoạt động của trò** |
| **1. Khởi động, kết nối** (3- 5’)  - GV mở vi deo  - Nêu đặc điểm của hình tam giác ?  - Nêu cách vẽ đ­ường cao trong hình tam giác.  **2. Hình thành kiến thức** (13-15’)  - GV h­ướng dẫn HS cắt ghép hình tam giác như­ SGK.  - Nhận xét về hình chữ nhật ABCD ?  - Nhận xét diện tích hình chữ nhật và diện tích hình tam giác?  - Nêu cách tính diện tích hình chữ nhật ABCD?  - Diện tích tam giác DEC?  - Nêu cách tính diện tích tam giác?  - Gọi DC là a, EH là h nêu công thức tính diện tích tam giác?  => Muốn tính diện tích hình tam giác ta làm thế nào?  **3.**  **Luyện tập:** (17- 19')  a. Bài 1/88 Phần a  - Chữa bài, nhận xét.  => Nêu công thức tính diện tích tam giác?  Phần b  - Nhận xét đơn vị đo của đáy và chiều cao?  - Muốn tính ta phải chú ý gì?  - GV chấm chữa, nhận xét.  - GV soi bài, gọi HS chia sẻ.  \* Dự kiến sai lầm:  - Phần hình thành kiến thức nhiều HS sẽ lúng túng trong khi thực hành cắt, ghép và hình thành quy tắc tính.  **4. Củng cố, dặn dò** (2- 3')  - Em được học kiến thức gì qua bài học hôm nay?  - Nêu công thức, quy tắc tính diện tích hình tam giác?  - Về nhà học bài, chuẩn bị bài sau: | - HS Khởi động  - HS nêu.  - HS nêu  - HS cắt ghép theo nhóm 4  - Các nhóm lên bảng đính kết quả.  - Các nhóm khác nx, bổ sung.  - Chiều dài DC = đáy DC của hình tam giác.  Chiều rộng ED = chiều cao EH.  - Diện tích hình chữ nhật ABCD gấp đôi diện tích tam giác DEC.  - SABCD  = DC x AD = DC x EH.  - SDEC  = (DC x EH) : 2 (DC: cạnh đáy, EH: đ­ường cao).  - HS nêu.  - SΔ  = (a x h) : 2 ( a: cạnh đáy, h: đ­ường cao).  - HS nêu quy tắc và công thức SGK.  - HS đọc bài, nêu yêu cầu.  - HS làm bảng con, nêu cách làm phần a.  - HS nêu.  - HS đọc bài, nêu yêu cầu.  - Số đo là số thập phân  - HS nêu  - HS làm vở  - HS đổi vở soát bài trong nhóm.  \* Dự kiến tình huống của HS:  + Nêu bài làm của mình?  +Để làm được bài này bạn đã vận dụng kiến thức nào?  + Muốn tính diện tích tam giác bạn làm thế nào?  - HS nêu  - HS nêu  - HS thực hiện. |

***\* Điều chỉnh sau bài dạy***

…………………………………………………………………………………………………...

**Tiết 3**  **TẬP ĐỌC**

**Ôn tập cuối học kì I (Tiết 1)**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

**1. Kiến thức, kĩ năng**: Giúp học sinh.

- Kiểm tra lấy điểm phân môn tập đọc, kết hợp kiểm tra kĩ năng đọc hiểu.

+ HS đọc l­ưu loát trôi chảy các bài tập đọc học thuộc lòng đã học từ tuần 11- 18 với tốc độ đọc 120 chữ/phút. Biết ngắt nghỉ đúng sau các dấu câu và giữa các cụm từ.

- Biết lập bảng thống kê các bài tập đọc, học thuộc lòng thuộc chủ điểm:  Giữ lấy màu xanh.

- Biết nhận xét về nhân vật trong bài đọc, nêu dẫn chứng minh hoạ cho nhận xét đó.

**2. Năng lực:** Rèn cho HS mạnh dạn, tự tin, trình bày ý kiến rõ ràng, ngắn gọn trước lớp, biết lắng nghe bạn đọc và trả lời để cùng chia sẻ, nx, đánh giá bạn.

**3. Phẩm chất:** Rèn luyện phẩm chất yêu thích học môn Tiếng Việt.

\* GDKNS: Kỹ năng hợp tác làmviệc nhóm, hoàn thành bảng thống kê.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

- TV, MT, MS, Vở bài tập, Phiếu ghi tên bài tập đọc từ tuần 11- 18

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Hoạt động của thầy** | | | **Hoạt động của trò** | | |
| **1. Khởi động, kết nối** (3- 5’)  - GV mở vi deo  - Kể tên các chủ điểm đã học từ tuần 11 tuần 18  **2. Ôn tập**: (32- 34’)  \* Bài 1: Ôn tập các bài tập đọc (23- 25’)  - Nêu tên chủ điểm 4 và tên các bài tập đọc, học thuộc lòng đã học từ tuần 11 đến tuần 13?  - GV viết tên bài lên bảng.  Chủ điểm: Giữ lấy màu xanh.  Bài 1: Chuyện một khu vườn nhỏ.  Bài 2: Mùa thảo quả.  Bài 3: Hành trình của bầy ong.  Bài 4: Người gác rừng tí hon  Bài 5: Trồng rừng ngập mặn.  \* Ôn các bài văn xuôi (Bài 1, 2, 4, 5)  - GV cho HS ôn lần lượt từng bài.  (GV nhận xét, tư vấn, hỗ trợ HS.)  Chú ý ôn đến bài nào GV có thể hỏi HS một câu hỏi khái quát để HS nêu được giọng đọc của đoạn hoặc của cả bài.)  Chẳng hạn :  - Bài 1: Để thể hiện được tình cảm yêu quý thiên nhiên của 2 ông cháu bé Thu ta nên đọc bài này như thế nào?  - Bài 2: Theo em trong bài này chúng ta nên đọc với giọng thế nào cho phù hợp nội dung bài?  - Bài 4: Khi đọc bài này các em cần chú ý điều gì ?  - Bài 5: Bài này ta nên đọc với giọng như thế nào?  - Yêu cầu HS chọn trong các bài văn ấy câu văn nào hay, đoạn văn nào hay nhất, thích nhất, hãy đọc lại cho cả lớp nghe.  \* Ôn bài thơ: Hành trình của bầy ong.  - Cho HS chơi trò chơi thả thơ: HS có thể viết tên câu thơ hoặc khổ thơ mà em thích nhất đọc rồi thả cho bạn trong nhóm. Sau đó gọi từng nhóm đọc.  \* Bài 2: H­ướng dẫn làm bài tập (16-17’)  - Đọc thầm, nêu yêu cầu của bài?  - GV chữa bài, chốt lời giải đúng.  + Em đã đ­ược ôn tập chủ điểm nào?  + Chủ điểm có những bài tập đọc nào, nêu tên tác giả của từng bài?  + Nêu thể loại của mỗi bài? | | | - HS Khởi động  - HS nêu  - HS đọc bài, xác định yêu cầu.  - HS nêu tên các bài tập đọc đã học từ tuần 11 đến tuần 13.  - HS mở SGK :  + Đọc đoạn cá nhân (nối tiếp.)  + Đọc đoạn em thích, cả bài.  + HS đọc câu văn đoạn văn mà em thích nhất.  - Cả lớp theo dõi, nhận xét, bổ sung.  - Giọng bé Thu: hồn nhiên, nhí nhảnh; giọng ông: hiền từ, chậm rãi.  - Đọc với giọng nhẹ nhàng thể hiện cảm hứng ca ngợi vẻ đẹp của mùa thảo quả.  - Chuyển giọng linh hoạt phù hợp với nhân vật.  - Giọng thông báo, lưu loát, rõ ràng, rành mạch phù hợp với nội dung 1 văn bản khoa học.  - HS đọc, cả lớp theo dõi, nhận xét, bổ sung.  - HS làm việc trong nhóm ghi tên câu thơ hoặc khổ thơ mà em thích nhất đọc rồi thả cho bạn trong nhóm.  - HS đọc bài. (Đọc theo nhóm).  - Lập bảng thống kê các bài tập đọc đã học trong chủ điểm Giữ lấy màu xanh theo mẫu / SGK  - HS làm VBT, chữa miệng  - HS trình bày bài, cả lớp nhận xét, bổ sung ý kiến  - HS nêu  - HS nêu  - HS nêu | | |
| **STT** | **Tên bài** | **Tác giả** | | | **Thể loại** |
| 1 | Chuyện một khu vườn nhỏ. | Vân Long | | | Văn |
| 2 | Mùa thảo quả. | Ma Văn Kháng | | | Văn |
| 3 | Hành trình của bầy ong. | Nguyễn Đức Mậu | | | Thơ |
| 4 | Người gác rừng tí hon | Nguyễn Thị Cẩm Châu | | | Văn |
| 5 | Trồng rừng ngập mặn. | Phan Nguyên Hồng | | | Văn |
| \* Bài tập 3  - GV giúp HS nắm vững yêu cầu của đề bài  - GV chữa bài, nhận xét, đánh giá chung  **3. Củng cố**, **dặn dò**: (2- 4')  - Nhận xét tiết học, về nhà ôn bài, những HS đọc chưa đạt sau kiểm tra lại.  - Chuẩn bị bài sau: Ôn tập (tiết 2) | | | | - HS đọc bài, nêu yêu cầu  - HS làm vở bài tập, chữa miệng  - HS khác nhận xét | |

***\* Điều chỉnh sau bài dạy***

…………………………………………………………………………………………………...

**Tiết 4** **CHÍNH TẢ**

**Ôn tập cuối học kì I (Tiết 2)**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

**1. Kiến thức, kĩ năng**: Giúp học sinh.

- Tiếp tục kiểm tra lấy điểm tập đọc và học thuộc lòng.

- Biết lập bảng thống kê các bài tập đọc thuộc chủ điểm "Vì hạnh phúc con ngư­ời".

- Biết cảm nhận cái hay về những câu thơ đư­ợc học.

**2. Năng lực:** HS mạnh dạn, tự tin khi thực hiện nhiệm vụ học tập và trình bày ý kiến. Biết vận dụng kiến thức đã học vào làm bài tập; tự giải quyết vấn đề nhanh gọn và khoa học, đúng với yêu cầu đề bài.

**3. Phẩm chất:** Rèn luyện phẩm chất yêu thích học môn Tiếng Việt.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

- TV,MT Vở bài tập, Phiếu ghi tên bài tập đọc từ tuần 11- 18

**III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Hoạt động của thầy** | | | **Hoạt động của trò** | | |
| **1. Khởi động, kết nối** (3 - 5’).  - GV mở vi deo  **2.** **Luyện tập: (32 - 34’)**  \* Bài 1: Ôn các bài tập đọc (23 - 25’)  - Nêu tên chủ điểm 5 và tên các bài tập đọc, học thuộc lòng đã học từ tuần 14 đến tuần 15?  - GV viết tên bài lên bảng.  Chủ điểm: Vì hạnh phúc con ngư­ời.  Bài 1: Chuỗi ngọc lam.  Bài 2: Hạt gạo làng ta.  Bài 3: Buôn Chư Lênh đón cô giáo.  Bài 4: Về ngôi nhà đang xây.  \* Ôn các bài văn xuôi ( Bài 1, 3, 4)  - GV cho HS ôn lần lượt từng bài.  Chẳng hạn:  - Bài 1: ở bài này, khi đọc giọng của các nhân vật thể hiện như thế nào?  - Bài 3: Theo em, bài này chúng ta nên đọc với giọng thế nào cho phù hợp nội dung bài ?  - Yêu cầu HS chọn trong các bài văn ấy câu văn nào hay, đoạn văn nào hay nhất, thích nhất, hãy đọc lại cho cả lớp nghe.  \* Ôn bài thơ: Hạt gạo làng ta.  Về ngôi nhà đang xây.  - Cho HS chơi trò chơi thả thơ: HS có thể viết tên câu thơ hoặc khổ thơ mà em thích nhất đọc rồi thả cho bạn trong nhóm. Sau đó gọi từng nhóm đọc.  => GV tổng kết nhận xét, đánh giá trực tiếp từng HS.  \* Bài 2:  - Bài yêu cầu gì?  - Yêu cầu HS thảo luận nhóm tổ yêu cầu bài tập.  - Gọi HS trình bày, nhận xét chốt lại lời giải đúng.  - GV đánh giá chung. | | | - HS Khởi động  - HS đọc bài, xác định yêu cầu.  - HS nêu tên các bài tập đọc đã học từ tuần 14 đến tuần 15.  - HS mở SGK :  + Đọc đoạn cá nhân (nối tiếp), đoạn em thích hoặc cả bài, đọc câu văn đoạn văn mà em thích nhất.  - Cả lớp theo dõi, nhận xét, bổ sung.  - Giọng kể chậm rãi, nhẹ nhàng. Lời cô bé Gioan: Ngây thơ, hồn nhiên khi khen chuỗi ngọc đẹp, khi khoe nắm xu lấy từ con lợn đất tiết kiệm. Lời chú Pi- e: điềm đạm, nhẹ nhàng, tế nhị. Lời chị cô bé: lịch sự, thật thà.  - Đọc với giọng kể chuyện trang nghiêm đoạn dân làng đón cô giáo với nghi thức trang trọng; vui hồ hởi đoạn dân làng xem cô giáo viết chữ…  - HS đọc, cả lớp theo dõi, nhận xét, bổ sung.  - HS làm việc trong nhóm ghi tên câu thơ hoặc khổ thơ mà em thích nhất đọc rồi thả cho bạn trong nhóm.  - HS đọc bài trước lớp.  - HS phát biểu cá nhân.  - HS đọc bài.  - HS nêu  - HS làm vở bài tập  - HS trình bày, HS khác nhận xét, bổ sung. | | |
| **STT** | **Tên bài** | | | **Tác giả** | **Thể loại** |
| 1 | Chuỗi ngọc lam | | | Phun- tơn O- xlơ | Văn |
| 2 | Hạt gạo làng ta | | | Trần Đăng Khoa | Thơ |
| 3 | Buôn Chư Lênh đón cô giáo | | | Hà Đình Cẩn | Văn |
| 4 | Về ngôi nhà đang xây | | | Đồng Xuân Lan | Thơ |
| 5 | Thầy thuốc như mẹ hiền | | | Trần Phương Hạnh | Văn |
| 6 | Thầy cúng đi bệnh viện | | | Nguyễn Lăng | Văn |
| \* Bài 3  - Bài yêu cầu gì?  - GV giúp HS nắm vững yêu cầu của bài.  - Cho HS làm bài  - Gọi HS trình bày, nhận xét  - GV đánh giá chung, tuyên d­ương HS có đoạn viết hay, thuyết phục.  **3. Củng cố**, **dặn dò**: (2- 4')  - Nêu các bài tập đọc đã học trong chủ điểm: Vì hạnh phúc con ngư­ời?  - Nhận xét giờ học.  - Về nhà học bài, chuẩn bị bài sau | | - HS đọc bài.  - HS nêu  - HS làm vở bài tập  - HS trình bày, HS khác nhận xét, bổ sung.  - HS nêu. | | | |

***\* Điều chỉnh sau bài dạy***

…………………………………………………………………………………………………...

**Tiết 5**   **LỊCH SỬ**

**Kiểm tra định kì cuối HKI**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

- Kiểm tra kiến thức đã học.

**2. Năng lực:** Vận dụng kiến thức đã học để làm bài.

**3. phẩm chất:** Yêu thích môn học, tích cực, chủ động làm bài.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

**1. Giáo viên:** Đề KT.

**2. Học sinh:** nháp.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

-GV phát đề

- HS làm bài

***Khoanh tròn vào chữ cái trước câu trả lời đúng (đối với các câu từ 1 đến 5)***

Câu 1: Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời vào ngày tháng năm nào?

A. 3 / 2 /1917

B. 3 / 2 /1930

C. 3 / 2 /1940

D. 3 / 2 /1945

Câu 2: Sau Cách mạng tháng Tám, biện pháp để đẩy lùi giặc dốt là:

A. Mở các lớp bình dân học vụ, mở thêm trường học cho trẻ em.

B. Mời chuyên gia nước ngoài đến giảng dạy.

C. Đưa người ra nước ngoài học tập.

D. Thưởng cho những người tích cực đi học.

Câu 3: Năm 1862 ai là người được nhân dân và nghĩa quân suy tôn là “Bình Tây Đại Nguyên Soái”?

A.Tôn Thất Thuyết

B. Phan Đình Phùng

C. Trương Định

D. Hàm Nghi

Câu 4: Đầu xuân 1930, hội nghị hợp nhất các tổ chức Cộng sản Ở nước ta diễn ra tại:

A. Quảng trường Ba Đình. (Hà Nội)

B. Hang Pắc Bó (Cao Bằng)

C. Hồng Kông (Trung Quốc)

D. Bắc cạn, Cao Bằng.

Câu 5: Nguyễn Tất Thành sinh năm nào ? ở đâu ?

A. 1867, Huyện Nam Đàn ,tỉnh Nghệ An.

B. 1890, Huyện Nam Đàn ,tỉnh Nghệ An.

C. 1858, Huyện Sơn Tịnh ,tỉnh Quảng Ngãi.

D. 1980 Huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An.

Câu 6: Em hãy chọn từ ngữ thích hợp để điền vào chỗ chấm cho phù hợp khi nói về Hội nghị thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam.

a. Địa điểm:

b. Người chủ trì :

c. Kết quả của hội nghị

**ĐÁP ÁN**

Câu 1 đến 5 mỗi câu 1 điểm

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Câu | 1 | 2 | 3 | 4 | 5 |
| Đáp án | B | A | C | C | B |

Câu 6:5 điểm.

Hội nghị thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam.

a. Địa điểm: Hồng Công (Trung Quốc) (1 điểm)

b. Người chủ trì: Nguyễn Ái Quốc (1 điểm)

c. Kết quả của hội nghị:

* Hợp nhất các tổ chức cộng sản thành một Đảng Cộng sản duy nhất, lấy tên là Đảng Cộng sản Việt Nam. (1,5 điểm)
* Đề ra đường lối cách mạng nước ta. (1,5 điểm)

***\* Điều chỉnh sau bài dạy***

…………………………………………………………………………………………………...

**Tiết 6** **LUYỆN TỪ VÀ CÂU**

**Ôn tập cuối học kì I (Tiết 3)**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

**1. Kiến thức, kĩ năng**: Giúp học sinh.

- Tiếp tục ôn tập các bài tập đọc, học thuộc lòng các bài từ tuần 16- 27 (yêu cầu như tiết 1)

- Lập đ­ược bảng tổng kết vốn từ về môi tr­ường.

**2. Năng lực:** Rèn cho HS mạnh dạn, tự tin, trình bày ý kiến rõ ràng, ngắn gọn trước lớp, biết phối hợp với bạn khi làm việc nhóm, biết lắng nghe bạn đọc và trả lời để cùng chia sẻ, nhận xét, đánh giá bạn.

**3. Phẩm chất:** Rèn luyện phẩm chất yêu thích học môn Tiếng Việt.

\* GDKNS: Kỹ năng thu thập, xử lý thụng tin.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

- TV,MT Vở bài tập, Phiếu ghi tên bài tập đọc từ tuần 11- 18

**III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Hoạt động của thầy** | | **Hoạt động của trò** | | |
| **1. Khởi động, kết nối** (3- 5’)  - GV mở vi deo  - Nêu câu thơ em thích trong 2 bài thơ đã học thuộc chủ điểm: Vì hạnh phúc con ng­ời.  - Vì sao em thích câu thơ đó?  **2. H­ướng dẫn ôn tập**: (32- 34')  \* Bài 1: Ôn tập các bài tập đọc (23-25’)  - Nêu tên chủ điểm 5 và tên các bài tập đọc, học thuộc lòng đã học từ tuần 16 đến tuần 17?  - GV viết tên bài lên bảng.  Chủ điểm: Vì hạnh phúc con ngư­ời.  Bài 1: Thầy thuốc như mẹ hiền.  Bài 2: Thầy cúng đi bệnh viện.  Bài 3: Ngu công xã Trịnh Tường.  Bài 4: Ca dao về lao động sản xuất.  \* Ôn các bài văn xuôi (Bài 1, 2, 3 ).  - GV cho HS ôn lần lượt từng bài.  - Bài 1: Để hiểu rõ hơn về tài năng, tấm lòng nhân hậu và nhân cách cao thượng của Hải Thượng Lãn Ông ta nên đọc bài này như thế nào?  - Bài 2: Theo em trong bài này chúng ta nên đọc với giọng thế nào cho phù hợp nội dung bài?  - Bài 3: Đoạn cuối bài em đọc thế nào?  - Yêu cầu HS chọn trong các bài văn ấy câu văn nào, đoạn văn nào hay nhất, thích nhất, hãy đọc lại cho lớp nghe.  (GV kết hợp hỏi HS nội dung bài.)  \* Ôn bài thơ :  Ca dao về lao động sản xuất.  - Cho HS chơi trò chơi thả thơ: HS có thể viết tên câu thơ hoặc khổ thơ mà em thích nhất đọc rồi thả cho bạn trong nhóm. Sau đó gọi từng nhóm đọc.  \* Bài 2:  - GV giúp HS nắm vững yêu cầu của bài tập, giải thích rõ thêm các từ: sinh quyển, thuỷ quyển, khí quyển.  - Cho HS TLN tổ yêu cầu của bài tập.  - GV theo dõi giúp đỡ các nhóm.  - Gọi HS trình bày, nhận xét bổ sung.  => GV tổng kết, bổ sung những từ ngữ về môi trư­ờng. | | - HS Khởi động  - HS nêu.  - HS đọc bài, xác định yêu cầu.  - HS nêu tên các bài tập đọc đã học từ tuần 16 đến tuần 17.  - HS mở SGK  + Đọc đoạn cá nhân (nối tiếp.)  + Đọc đoạn em thích hoặc cả bài.  + HS đọc câu văn đoạn văn mà em thích nhất.  - Cả lớp theo dõi, nhận xét, bổ sung.  - Giọng nhẹ nhàng, điềm tĩnh thể hện thái độ cảm phục lòng nhân ái không màng danh lợi của Hải Thượng Lãn Ông.  - Giọng kể chuyện chậm rãi, thong thả.  - HS nêu  - HS đọc bài và trả lời câu hỏi do GV đưa ra.  - Cả lớp theo dõi, nhận xét, bổ sung.  - HS làm việc trong nhóm ghi tên câu thơ hoặc khổ thơ mà em thích nhất đọc rồi thả cho bạn trong nhóm.  - HS đọc bài trước lớp.  - HS đọc yêu cầu  - HS TLN tổ, làm lại vào vở bài tập  - Các nhóm trình bày. | | |
|  | **Sinh quyển**  (MT động, thực vật) | | **Thuỷ quyển**  (MT nước) | **Khí quyển**  (MT không khí) |
| **Các sự vật trong môi trường** | rừng; con người; thú (hổ, báo cáo, khỉ, vượn, thằn lằn,..) chim ( cũ, vạc, bồ nụng, đại bàng,..); cây lâu năm ( lim, sến, táu,...); cây ăn quả ( ổi, mận, mít,...) cây rau ( cải, muống, xà lách,...); cỏ; vi sinh vật;... | | Sông, suối, ao, hồ, biển, đại dương, kênh,... | bầu trời, vũ trụ, mây, ánh sáng, âm thanh, khí hậu,... |
| **Những hành động bảo vệ môi trường** | trồng cây gây rừng; phủ xanh đồi núi trọc; chống đốt rừng; trồng rừng ngập mặn; chống săn bắn thú rừng; chống buôn bán động vật hoang dã; ... | | giữ sạch nguồn nước; xây dựng nhà máy nước; lọc nước thải công nghiệp | lọc khí thải công nghiệp; xử lí rác thải; chống ô nhiễm bầu khụng khí;... |

**3. Củng cố**, **dặn dò**: (2- 4')

- Em hiểu thế nào là trồng cây gây rừng?

- Nhận xét giờ học. Về nhà học bài, chuẩn bị bài sau: Ôn tập tiết 4

***\* Điều chỉnh sau bài dạy***

…………………………………………………………………………………………………...

**Tiết 7** **THỂ DỤC**

**Đi đều vòng phải, vòng trái.**

**Trò chơi: Chạy tiếp sức theo vòng tròn**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

**1. Kiến thức, kĩ năng**: Giúp học sinh.

- Ôn động tác đi đều vòng phải, vòng trái.Yêu cầu biết và thực hiện động tác ở mức tương đối chính xác.

- Chơi trò chơi "Chạy tiếp sức theo vòng tròn".Yêu cầu biết cách chơi và tham gia chơi ở mức bắt đầu có sự chủ động.

**2. Năng lực:** Rèn luyện năng lực hoạt động độc lập, hợp tác trong nhóm, mạnh dạn, tự tin trước tập thể.

**3. Phẩm chất:** HS có ý thức tập luyện TDTT để rèn luyện sức khỏe.

**II. ĐỊA ĐIỂM, PH­ƯƠNG TIỆN**

- Địa điểm: Trên sân tr­ường.

- Ph­ương tiện: Còi, vạch kẻ sân

**III. NỘI DUNG VÀ PH­ƯƠNG PHÁP**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Nội dung và phương pháp** | **Định lượng** | **Đội hình đội ngũ** |
| **1. Phần mở đầu**  - Lớp trưởng tập họp lớp, điểm số, báo cáo.  - GV nhận lớp, phổ biến nhiệm vụ yêu cầu bài học.  - HS chạy nhẹ nhàng theo 1 hàng dọc trên địa hình tự nhiên.  - HS giậm chân tại chỗ đếm to theo nhịp 1-2  - HS ôn các động tác tay, chân, vặn mình, toàn thân và nhảy của bài thể dục phát triển chung.  **2. Phần cơ bản**  a.Ôn đi đều vòng phải vòng trái  - HS chia tổ luyện tập  - HS tập cả lớp  + Lần 1: GV hướng dẫn  + Lần 2: cán sự điều khiển  + Lần 3: thi đua  - Tổ nào thua phải lò cò 1 vòng quanh các bạn  b. Học TC: Chạy tiếp sức theo vòng tròn  - GV nêu tên trò chơi, hướng dẫn cách chơi và nội quy chơi.  - HS nhắc lại cách chơi  - HS 1->2 tổ chơi thử 1 lần sau đó chơi chính thức.  - GV nhận xét, đánh giá và có hình thức khen, phạt thích hợp.  **3. Phần kết thúc**  - GV cùng HS hệ thống bài  - HS tập 1 số động tác hồi tĩnh.  - HS đứng tại chỗ vỗ tay hát.  - GV nhận xét, đánh giá kết quả bài học.  - Dặn học sinh về nhà tập luyện . | 6 - 10'    18 - 22'  8 - 10'  10 - 12'  4 - 6' | 🚹🚹🚹🚹🚹🚹🚹🚹🚹  🚹🚹🚹🚹🚹🚹🚹🚹🚹  🚹        🚹🚹🚹🚹🚹🚹🚹🚹🚹  🚹🚹🚹🚹🚹🚹🚹🚹🚹  🚹 |

***\* Điều chỉnh sau bài dạy***

…………………………………………………………………………………………………...

**Thứ Tư ngày 3 tháng 1 năm 2024**

**Tiết 1 TOÁN**

**Luyện tập**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

**1. Kiến thức, kĩ năng**: Giúp học sinh.

- Rèn luyện kĩ năng tính diện tích hình tam giác.

- Giới thiệu cách tính diện tích hình tam giác vuông (biết độ dài hai cạnh góc vuông của hình tam giác vuông).

**2. Năng lực:** HS tích cực chủ động vận dụng kiến thức cộng, trừ, nhân, chia số thập phân; số đo thời gian; tìm số trung bình cộng vào làm tính và giải toán nhanh, chính xác, cách trình bày gọn gàng, khoa học.

**3. Phẩm chất:** Rèn luyện phẩm chất yêu thích học môn Toán.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

- TV, MT, MS

**III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của thầy** | **Hoạt động của trò** |
| **1. Khởi động, kết nối** (3- 5’)  - GV mở vi deo  - Tính diện tích hình tam giác có cạnh đáy 32 cm và chiều cao 18 cm.  - Chữa bài, nhận xét  - Nêu cách tính diện tích hình tam giác?  **2. Luyện tập** (32 - 34’)  a. Bài 1/88  - GV chữa bài, nhận xét.  -Tại sao khi tính diện tích ở phần b em không lấy 16 x 5,3 : 2 ?  - Khi a, h của hình tam giác chư­a cùng đơn vị đo muốn tính đư­ợc diện tích ta phải làm gì?  => Nêu cách tính diện tích hình tam giác?  b. Bài 2/88  - GV chữa bài, nhận xét.  => Trong hình tam giác vuông đáy và đường cao t­ương ứng với đáy nh­ư thế nào với nhau? (HS khá giỏi)  => Trong HTG vuông 2 cạnh góc vuông có thể coi là đáy và đ­ường cao.  c. Bài 3/88.  - GV chấm  - GV gọi soi bài chia sẻ chữa bài.  d. Bài 4/89.(dành cho HS tiếp thu nhanh)  - GV nhận xét.  \* Dự kiến sai lầm:  - Bài 1 (b) nhiều HS sẽ không đổi đơn vị đa tính.  **3. Củng cố, dặn dò (2 - 3').**  - Em được ôn tập kiến thức gì qua bài học hôm nay?  - Nêu cách tính diện tích tam giác, diện tích hình tam giác vuông?  - Về nhà học bài, chuẩn bị bài sau | - HS Khởi động  - HS làm bảng con.  - HS nêu.  - HS đọc bài, nêu yêu cầu.  - HS làm bảng con, nêu cách làm phần b  - Vì độ dài đáy và chiều cao chư­a cùng đơn vị đo  - Phải đổi về cùng 1 đơn vị đo.  - HS nêu.  - HS đọc bài, nêu yêu cầu.  - HS quan sát SGK, thảo luận theo nhóm 3 (3’) tìm đáy và đư­ờng cao.  - Các nhóm nêu kết quả thảo luận, các nhóm khác nhận xét, bổ sung.  - Vuông góc với nhau.  - HS đọc bài, nêu yêu cầu.  - HS làm vở , chữa  \* Dự kiến tình huống của HS:  + Nêu bài làm của mình?  +Để làm được bài này bạn đã vận dụng kiến thức nào?  + Muốn tính diện tích tam giác bạn làm thế nào?  - HS đọc bài, nêu yêu cầu.  - HS làm nháp.  - HS đổi vở soát bài cho nhau    - HS nêu |

***\* Điều chỉnh sau bài dạy***

…………………………………………………………………………………………………...

**Tiết 3** **KỂ CHUYỆN**

**Ôn tập cuối học kì I (Tiết 4)**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

**1. Kiến thức, kĩ năng**: Giúp học sinh.

- Tiếp tục kiểm tra lấy điểm tập đọc và học thuộc lòng.

- Nghe - viết đúng chính tả, trình bày đẹp bài Chợ Ta - sken.

**2. Năng lực:** Rèn cho HS tính cẩn thận khi đặt bút, có ý thức giữ vở sạch, viết chữ đẹp.

**3. Phẩm chất:** Rèn luyện phẩm chất yêu thích học môn Tiếng Việt.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

- TV, MT, MS Vở bài tập, Phiếu ghi tên bài tập đọc từ tuần 11- 18

**III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của thầy** | **Hoạt động của trò** |
| **1. Khởi động, kết nối** (3 - 5’)  - GV mở vi deo  - Kể những việc làm thể hiện việc bảo vệ môi trư­ờng?  - Vì sao phải bảo vệ môi tr­ường?  **2. H­ướng dẫn ôn tập**: (32- 34')  \* Bài 1: Ôn tập các bài tập đọc các bài tập đọc, học thuộc lòng từ tuần 11 đến tuần 18. (Với những bài các tiết ôn trước HS đọc chưa tốt, GV cho HS ôn lại.)  GV nêu tên các bài, ghi bảng.  \* Ôn văn xuôi :  - GV cho HS ôn lần lượt từng bài. (GV kết hợp hỏi cách đọc và nội dung bài.)  - Nhận xét, tư vấn, hỗ trợ HS (nếu có.)  \* Ôn thơ:  - Cho HS chơi trò chơi thả thơ: HS có thể viết tên câu thơ hoặc khổ thơ mà em thích nhất đọc rồi thả cho bạn trong nhóm. Sau đó gọi từng nhóm đọc.  - Nhận xét, tư vấn, hỗ trợ HS (nếu có.)  \* Bài 2: Viết chính tả bài: Chợ Ta-sken.  - GV đọc mẫu.  - GV ghi từ khó: Ta- sken, nẹp thêu, xúng xính, thõng dài  - Cho HS phát âm, phân tích từ khó  - Các tiếng còn lại tiến hành t­ương tự  - GV đọc cho HS viết từ khó.  - Bài viết thuộc thể loại nào? Nêu cách trình bày bài?  - Nhắc nhở HS tr­ước khi viết bài.  - Đọc cho HS viết bài.  - Đọc cho HS soát lỗi.  - GV chấm bài, nhận xét một số HS.  **3. Củng cố**, **dặn dò**: (2- 4')  - Nêu cách viết danh từ riêng phiên âm nước ngoài?  - Nhận xét giờ học, về nhà học bài, chuẩn bị bài sau: Ôn tập tiết 6. | - HS Khởi động  - HS nêu  - HS nêu  + HS mở SGK :  - Đọc đoạn cá nhân (nối tiếp.)  - Đọc đoạn em thích hoặc cả bài.  - Chọn trong các bài văn ấy câu văn hay, đoạn văn hay nhất, thích nhất, hãy đọc lại cho cả lớp nghe.  - HS đọc bài và trả lời câu hỏi do GV nêu.  - HS làm việc trong nhóm ghi tên câu thơ hoặc khổ thơ mà em thích nhất đọc rồi thả cho bạn trong nhóm.  - HS đọc bài trước lớp.  - HS phát âm, phân tích từ khó, các từ có âm đầu là tổ hợp chữ cái:  + Nẹp = n + ep + thanh nặng.  + HS phân tích các tiếng còn lại theo yêu cầu của GV.  - HS viết bảng con.  - HS nêu.  - HS viết bài vào vở.  - HS soát lỗi, HS đổi vở soát lỗi cho nhau, HS chữa lỗi.  - HS nêu. |

***\* Điều chỉnh sau bài dạy***

…………………………………………………………………………………………………...

**Tiết 4**  **TẬP ĐỌC**

**Ôn tập cuối học kì I (Tiết 5)**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

**1. Kiến thức, kĩ năng**: Giúp học sinh.

- Củng cố kĩ năng viết thư­, biết viết 1 lá thư­ gửi ng­ười thân ở xa kể lại kết quả học tập rèn luyện của em.

- Viết đ­ược 1 bức thư­ đúng yêu cầu, bố cục rõ ràng, trình bày sạch đẹp.

**2. Năng lực:** Rèn cho HS mạnh dạn, tự tin khi thực hiện nhiệm vụ học tập và trình bày ý kiến ; tích cực hoạt động và hợp tác với bạn trong nhóm. Biết vận dụng kiến thức đã học vào làm bài tập; tự giải quyết vấn đề nhanh gọn và khoa học, đúng với yêu cầu đề bài

**3. Phẩm chất:** Rèn luyện phẩm chất yêu thích học môn Tiếng Việt.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

- Vở bài tập, TV, MT

**III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của thầy** | **Hoạt động của trò** |
| **1. Khởi động, kết nối** (3 - 5’).  - GV mở vi deo  **2. Hư­ớng dẫn ôn tập**: (35 - 36’)  a. Đề bài: Hãy viết thư­ gửi ng­ười thân ở xa kể lại kết quả học tập rèn luyện của em trong học kì 1.  - Hư­ớng dẫn HS phân tích đề.  - Cho HS đọc các gợi ý.  - Nội dung 1 bức thư­ gồm mấy phần, mỗi phần cần viết gì?  b. Cho HS làm bài.  - Thu bài chấm, nhận xét.  **3.** Củng cố, dặn dò: (2 - 3’)  - Nêu lại nội dung chính của 1 bức thư­?  - Về nhà học bài, chuẩn bị bài sau: Tiết 7 | - HS Khởi động  - HS đọc lại đề bài.  - HS phân tích.  - HS đọc / SGK.  - 3 phần.  + Đầu thư­: Nêu địa điểm thời gian viết thư­, chào hỏi ng­ười nhận thư­.  + Phần chính: Nêu lí do mục đích viết thư­, thăm hỏi tình hình của người nhận, thông báo tình hình của ngư­ời viết.  + Phần cuối: Lời chúc lời hứa, kí tên.  - HS làm bài vào vở bài tập  - HS nêu. |

***\* Điều chỉnh sau bài dạy***

…………………………………………………………………………………………………...

**Tiết 5**   **KĨ THUẬT**

**Thức ăn nuôi gà (T.2)**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

**1. Kiến thức, kĩ năng**: HS cần phải:

- Nêu được tên và biết tác dụng cgủ yếu của 1 số thức ăn thường dùng để nuôi gà.

- Biết liên hệ thực tế để nêu tên và tác dụng chủ yếu của 1 số thức ăn được sử dụng nuôi gà ở gia đình hoặc địa phương (nếu có).

**2. Năng lực:** Năng lực tự học, năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo.

**3. Phẩm chất:** Giáo dục HS có ý thức chăm sóc, bảo vệ vật nuôi.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

- Một số mẫu thức ăn nuôi gà.TV, MT

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động dạy học** | **Hoạt động dạy học** |
| **1. Khởi động, kết nối** (3- 5’)  - GV mở vi deo  **2. Hình thành kiến thức**:(32- 34’)  **HĐ1:** Trình bày tác dụng và sử dụng thức ăn cung cấp chất đạm, chất khoáng, vi- ta- min, thức ăn tổng hợp.  - Chia nhóm, y/c:  + KL: Khi nuôi gà cần sử dụng nhiều loại thức ăn nhằm cung cấp đầy đủ các chất dinh dưỡng cho gà. Nên nuôi bằng thức ăn tổng hợp giúp gà lớn nhanh, đẻ trứng nhiều.  **HĐ2:** Đánh giá kết quả học tập của HS.  - Vì sao phải sử dụng nhiều loại thức ăn để nuôi gà ?  - Vì sao khi cho gà ăn thức ăn hỗn hợp sẽ giúp gà khỏe mạnh, lớn nhanh và đẻ trứng to và nhiều ?  **3.** **Củng cố, dặn dò:** (1-2’)  - Chuẩn bị bài tiết sau Nuôi dưỡng gà.  - Nhận xét tiết học. | - HS Khởi động  - Các nhóm thảo luận, nêu tóm tắt tác dụng và cách sử dụng thức ăn cung cấp chất đạm, chất khoáng, vi- ta- min, thức ăn tổng hợp.  - Đại diện các nhóm lên trình bày, lớp nhận xét, bổ sung.  - HS trả lời. |

***\* Điều chỉnh sau bài dạy***

…………………………………………………………………………………………………...

**Tiết 6** **TOÁN**

**Luyện tập chung**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

**1. Kiến thức, kĩ năng**: Giúp học sinh ôn tập, củng cố về.

- Các hàng của số thập phân; cộng, trừ, nhân, chia số thập phân; viết số đo đại l­ượng dư­ới dạng số thập phân.

- Tính diện tích hình tam giác.

**2. Năng lực:** HS tích cực chủ động vận dụng kiến thức vào làm tính và giải toán nhanh, chính xác, cách trình bày gọn gàng, khoa học.

**3. Phẩm chất:** Rèn luyện phẩm chất yêu thích học môn Toán.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

- TV, MT, MS

**III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của thầy** | **Hoạt động của trò** |
| **1. Khởi động, kết nối** (3 - 5’)  - GV mở vi deo  - Tính diện tích hình tam giác có 2 cạnh góc vuông là 13cm và 5cm.  - Nêu cách làm? Nêu cách tính diện tích hình tam giác?  **2.**  **Luyện tập** (32- 34’)  \* Phần 1.  - GV chấm chữa, nhận xét.  - GV có thể hỏi HS về sự lựa chọn đáp án của mình.  => Giá trị của 1 chữ số trong số thập phân phụ thuộc vào gì? ( bài 1 )  - Nêu cách tìm tỉ số % của 2 số? (bài 2)  - Nêu cách chuyển đổi đơn vị đo khối lượng từ nhỏ ra lớn (bài 3)? (HS khá giỏi có thể nêu tất cả các cách làm)  \* Phần 2.  a. Bài 1/90  - GV chữa bài, nhận xét.  - Khi thực hiện phép cộng, trừ, nhân dấu phẩy viết ở tổng, hiệu, tích có gì khác nhau?  => Nêu cách cộng, trừ, nhân, chia số thập phân?  b.Bài 2/90  - GV chấm chữa, nhận xét.  - GV soi bài, gọi HS chia sẻ.  c. Bài 3/90 (Dành cho HS tiếp thu nhanh)  - Bài toán hỏi gì?  - GV chữa bài.  d. Bài 4/90 (Dành cho HS tiếp thu nhanh)  - GV chữa bài, nhận xét.  **3. Củng cố, dặn dò** (2- 3')  -Em được ôn tập kiến thức gì qua bài học hôm nay?  - Nêu cách cộng trừ nhân chia số thập phân? Cách tính SΔ ?  - Về nhà học bài, chuẩn bị bài sau: Kiểm tra. | - HS Khởi động  - HS làm bảng con.  - HS nêu.  - HS đọc yêu cầu.  - HS làm vở nháp, chữa từng bài trên bảng phụ.  - HS nêu.  - HS nêu  - HS nêu  - HS đọc bài, nêu yêu cầu.  - HS làm bảng con, nêu cách làm  - HS nêu.  - HS nêu.  - HS đọc bài, nêu yêu cầu.  - HS làm vở , chữa bài, nhận xét.  \* Dự kiến tình huống của HS:  + Nêu bài làm của mình?  +Để làm được bài này bạn đã vận dụng kiến thức nào?  + Nêu mối quan hệ giữa 2 đơn vị đo liền kề trong bảng đơn vị đo diện tích, đo độ dài?  - HS đọc bài, quan sát hình vẽ.  - Tính SΔ  MDC.  - HS làm nháp  - HS đổi vở soát bài cho nhau  - HS đọc bài, nêu yêu cầu.  - HS làm nháp, nêu cách làm.  - HS nêu |

***\* Điều chỉnh sau bài dạy***

…………………………………………………………………………………………………...

**Tiết 7** **ĐẠO ĐỨC**

**Thực hành cuối học kì I**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

**1. Kiến thức, kĩ năng**:

- Củng cố lại những hành vi và thái độ đạo đức đã học trong bài 6 và bài 7

- Hình thành lại những hành vi, thái độ đó.

- Rèn cho HS biết thực hiện những hành vi đó.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

-Phiếu học tập, TV, MT, MS

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV** | **Hoạt động của GV** |
| **1. Khởi động, kết nối** (3- 5’)  - GV mở vi deo  **2. Thực hành**: (32- 34’)  **HĐ1:** Bài tập 1  - Điền Đ, S  🞎 Chào hỏi, xưng hô lễ phép với người già.  🞏 Kể chuyện cho em nhỏ nghe.  🞏 Dùng hai tay khi đưa vật gì đó cho người già.  🞎 Quát nạt em nhỏ.  🞎 Không đưa các cụ già, em nhỏ khi qua đường.  - KL về những hành vi thể hiện tình cảm kính già, yêu trẻ.  **HĐ2:** Bàitập 2  - Em hãy viết Đ vào 🞎 trước những ý kiến thể hiện sự đối xử bình đẳng với phụ nữ.  🞎 Trẻ em trai và gái có quyền được đối xử bình đẳng.  🞎 Con trai bao giờ cũng giỏi hơn con gái.  🞎 Làm việc nhà chỉ là trách nhiệm của mẹ và chị, em gái.  🞎 Chỉ nên cho con trai đi học.  🞎 Mọi chức vụ trong XH chỉ đàn ông mới được nắm giữ.  - Viết S vào trước các ý kiến mà em cho là sai. Vì sao?  🞎 Tặng quà cho mẹ, em gái và các bạn nữ nhân 8/3.  🞎 Không thích làm chung với các bạn gái việc tập thể.  🞎 Ở lớp các bạn trai chơi với nhau, ko chơi với bạn nữ.  - KL: nam, nữ bình đẳng, không được đối xử phân biệt…  **3. Hoạt động kết thúc** (1- 2’)  - GV nhận xét giờ học, dặn dò về nhà. | - HS Khởi động  - Làm việc cá nhân.  - Trình bày bài làm  - Nhận xét, bổ sung ý kiến.  - Làm việc theo cặp  - Đại diện soi bài trình bày.  - Nhận xét, bổ sung ý kiến của các nhóm.  - Lắng nghe. |

**Thứ Năm ngày 4 tháng 1 năm 2024**

**Tiết 2**  **TOÁN**

**Kiểm tra định kì cuối HKI**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

- Kiểm tra kiến thức đã học.

**2. Năng lực:** Vận dụng kiến thức đã học để làm bài.

**3. phẩm chất:** Yêu thích môn học, tích cực, chủ động làm bài.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

**1. Giáo viên:** Đề. Giấy KT. TV, MT.

**2. Học sinh:** nháp.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

-GV phát đề

- HS làm bài

**I. PHẦN TRẮC NGHIỆM**

***Hãy khoanh vào chữ đặt trước câu trả lời đúng****:*

Câu 1: Chữ số 9 trong số thập phân 3,897 có giá trị là:

A. 9 đơn vị B. 9 phần mười C. 9 phần trăm D. 9 phần nghìn

Câu 2: Số lớn nhất trong các số 5,798; 5,897; 5,978; 5,789.

1. 5,798 B. 5,978 C. 5,897 D. 5,789.

Câu 3: Tỉ số phần trăm của 8 và 32 là

1. 8% B. 25% C. 32% D. 75%

Câu 4: Chữ số thích hợp để điền vào chỗ chấm của: 4,156 > 4,..56 là:

A. 0 B. 1 C. 2 D. 3

Câu 5: Số thích hợp điền vào chỗ chấm: 3,126 km = ... m

A. 31260 B. 3,126 C. 312,6 D. 3126

Câu 6: Trong hình bên, AH là đường cao của mấy hình tam giác ?

A

A. 1 hình

B. 2 hình

C. 3 hình

D. 4 hình

B H C

Câu 7: Trong bể cá có 25 con cá, trong số đó có 20 con cá chép. Tỉ số phần trăm của số cá chép và số cá trong bể là:

A. 5% B. 20 % C. 80% D. 100%

**II. PHẦN VẬN DỤNG VÀ TỰ LUẬN**

Câu 1. Tính

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| 375,86 + 29,05  ………………..  ………………..  ……………….  ……………......  ……………….. | 80,47 - 26,827 …….………….  …….………….  ……….………..  …………..…….  ……………..…. | 48,16 x 2,4  ……………………  ……………………  …………………...  ……………………  ……………………. | 216,72 : 4,2  ………………………  ………………………  ……………………...  ………………….…..  ……………………… |

Câu 2. Viết số thích hợp vào chỗ chấm:

405g =.................. kg 7m 23 cm =................... m

0,47km =............... m 2m2 13dm2 =................... m2

Câu 3. Một mảnh đất hình chữ nhật có chiều rộng bằng  chiều dài. Biết chiều dài là 25m. Người ta dùng 45% diện tích mảnh đất để làm nhà.

a, Tính diện tích mảnh đất ?

b, Tính diện tích phần đất để làm nhà?

.................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................. Bài 4. Tính bằng cách thuận tiện nhất:

a) 9,3 x 3,7 + 9,3 x 4,3 + 18,6

......................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

b) 8,25 x 0,4 + 8,25 x 0,3 + 8,25 x 0,2 + 0,825

.......................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

**ĐÁP ÁN**

**PHẦN I. TRẮC NGHIỆM** (4 điểm)

Từ câu 1 đến câu 6, đúng mỗi câu đúng cho 0,5 điểm; câu 7 đúng được 1 điểm:

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Câu | 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 |  |
| Khoanh đúng | C | B | B | A | D | C | C |  |
| Điểm | 0,5 đ | 0,5 đ | 0,5 đ | 0,5 đ | 0,5 đ | 0,5 đ | 1,0 đ |  |

**PHẦN II. PHẦN VẬN DỤNG VÀ TỰ LUẬN:** (6 điểm)

Câu 1. (2 điểm): Tính (Mỗi phần đúng được 0,5 điểm)

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| 375,86 + 29,05  375,86  + 29,05  404,91 | 80,47 - 26,827 80,470  - 26,827  53,643 | 48,16 x 2,4  48,16  x 2,4  19264  9632  115,584 | 216,72 : 4,2  216,7,2 4,2  6 7 5,16  2 5 2  0 0 |

Câu 2. (1 điểm).Viết số thích hợp vào chỗ chấm: (Mỗi phần đúng được 0,25 điểm)

405g = 0,405 kg 7m 23 cm = 7,23 m

0,47 km = 470 m 2m2 13dm2 = 2,13 m2

Câu 3. (2 điểm) Bài giải

Chiều dài mảnh đất hình chữ nhật là:

25 x  = 20 (m)  *( 0,5 điểm)*

Diện tích của mảnh đất hình chữ nhật là:

25 x 10 = 250 (m2) *( 0,5 điểm)*

Diện tích phần đất để làm nhà là:

250 : 100 x 45 = 112,5 (m2) *(0,5 điểm)*

Đáp số: a, 250 (m2) *( 0,25điểm)*

b, 112,5 (m2) *( 0,25điểm)*

Bài 4. Tính bằng cách thuận tiện nhất:

a) 9,3 x 3,7 + 9,3 x 4,3 + 18,6

= 9,3 x 3,7 + 9,3 x 4,3 + 9,3 x 2 *(0,2 điểm)*

= 9,3 x (3,7 + 4,3 + 2) *(0,1 điểm)*

= 9,3 x 10 *(0,1 điểm)*

= 93 *(0,1 điểm)*

b) 8,25 x 0,4 + 8,25 x 0,3 + 8,25 : 5 + 0,825

= 8,25 x 0,4 + 8,25 x 0,3 + 8,25 x 0,2 + 8,25 x 0,1 *( 0,2 điểm)*

= 8,25 x (0,4 + 0,3 + 0,2 + 0,1) *(0,1 điểm)*

= 8,25 x 1 (*0,1 điểm)*

= 8,25 *(0,1 điểm)*

***\* Điều chỉnh sau bài dạy***

…………………………………………………………………………………………………...

\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_

**Tiết 3** **TẬP LÀM VĂN**

**Ôn tập cuối học kì I (Tiết 6)**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

**1. Kiến thức, kĩ năng**: Giúp học sinh.

- Tiếp tục kiểm tra lấy điểm tập đọc và học thuộc lòng.

- Ôn luyện tổng hợp chuẩn bị cho bài kiểm tra cuối kì.

**2. Năng lực:** Rèn cho HS mạnh dạn, tự tin khi thực hiện nhiệm vụ học tập. Biết vận dụng kiến thức đã học vào làm bài tập; tự giải quyết vấn đề nhanh gọn và khoa học, đúng với yêu cầu đề bài.

**3. Phẩm chất:** Rèn luyện phẩm chất yêu thích học môn Tiếng Việt.

**II. ĐỒ DUNG DẠY HỌC**

- TV,MT Vở bài tập, Phiếu ghi tên bài tập đọc từ tuần 11- 18

**III. HOẠT DỘNG DẠY HỌC**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của thầy** | **Hoạt động của trò** |
| **1. Khởi động, kết nối** (3 - 5’)  - GV mở vi deo  - Đọc 1 câu thơ em thích trong các bài thơ đã học. Vì sao em thích câu thơ đó?  **2.** **H­ướng dẫn ôn tập:** (32- 34')  \* Bài 1: Ôn tập các bài tập đọc từ tuần 1 đến tuần 9.  - GV nêu tên các bài, ghi bảng.  \* Ôn văn xuôi :  - GV cho HS ôn lần lượt từng bài.  - Nhận xét, tư vấn, hỗ trợ HS (nếu có.)  - Chọn trong các bài văn ấy câu văn, đoạn văn hay nhất, thích nhất, hãy đọc lại cho cả lớp nghe.  \* Ôn thơ:  - Cho HS chơi trò chơi thả thơ: HS có thể viết tên câu thơ hoặc khổ thơ mà em thích nhất đọc rồi thả cho bạn trong nhóm. Sau đó gọi từng nhóm .  - Nhận xét, tư vấn, hỗ trợ HS (nếu có.)  \* Bài 2/176  - Tìm trong bài thơ 1 từ đồng nghĩa với từ: “biên c­ương”?  => Thế nào là từ đồng nghĩa?  - Các từ “đầu, ngọn” đ­ược dùng với nghĩa gốc hay nghĩa chuyển.  - Đặt câu khác có từ “đầu, ngọn” đư­ợc dùng theo nghĩa chuyển? => Thế nào là từ nhiều nghĩa?  - Có những đại từ xư­ng hô nào đ­ược dùng trong bài thơ?  => Thế nào là đại từ xư­ng hô?  - Viết 1 câu văn miêu tả hình ảnh mà câu thơ: “Lúa l­ượn bậc thang mây” gợi ra cho em.  - Gọi HS trình bày  - Giáo viên nhận xét chung.  **3. Củng cố**, **dặn dò**: (2 - 4 ')  - Trong bài “Chiều biên giới” em thích hình ảnh nào nhất? Vì sao?  - Nhận xét giờ học, chuẩn bị bài sau: Ôn tập tiết 7 | - HS Khởi động  - HS nêu.  + HS mở SGK :  - Đọc đoạn cá nhân (nối tiếp.)  - Đọc đoạn em thích hoặc cả bài.  - HS đọc bài và trả lời câu hỏi  - HS làm việc trong nhóm ghi tên câu thơ hoặc khổ thơ mà em thích nhất đọc rồi thả cho bạn trong nhóm.  - HS đọc bài trước lớp.  - HS đọc yêu cầu.  - 1 HS đọc bài thơ: Chiều biên giới  - Từ “biên giới”  - HS nêu.  - Nghĩa chuyển.  - HS nêu.  - HS nêu  - Ta, em.  - HS nêu.  - HS làm vở nháp.  - HS đọc câu miêu tả của mình  - HS khác nhận xét.  - HS nêu. |

***\* Điều chỉnh sau bài dạy***

…………………………………………………………………………………………………...

**Tiết 4** **LUYỆN TỪ VÀ CÂU**

**Kiểm tra định kì (Đọc) (Tiết 7)**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

**1. Kiến thức, kĩ năng:**

- Kiểm tra kiến thức về đọc hiểu

**2. Năng lực:** Vận dụng kiến thức đã học để làm bài

**3. phẩm chất:** Yêu thích môn học, tích cực, chủ động làm bài

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

**1. Giáo viên:** Đề. Giấy KT.

**2. Học sinh:** BC, nháp.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

-GV phát đề

- HS làm bài

**I. KIỂM TRA ĐỌC: (10 điểm)**

**1. Kiểm tra đọc thành tiếng: (3 điểm)**

- Gọi HS đọc 1 đoạn trong các bài tập đọc từ tuần 1-17 trong Sách TV5/ Tập 1 và trả lời câu hỏi do GV chọn. (Đọc: 2 điểm, trả lời câu hỏi: 1 điểm )

**2. Kiểm tra đọc hiểu: (7 điểm)**

**Buổi sáng mùa hè trong thung lũng**

Rừng núi còn chìm đắm trong màn đêm trong bầu không khí đầy hơi ẩm và lành lạnh, mọi người đang ngon giấc trong những chiếc chăn đơn. Bỗng một con gà trống vỗ cánh phành phạch và cất tiếng gáy lanh lảnh ở đầu bản. Tiếp đó, rải rác khắp thung lũng, tiếng gà gáy râm ran. Mấy con gà rừng trên núi cũng thức dậy gáy te te. Trên mấy cây cao cạnh nhà, ve đua nhau kêu ra rả. Ngoài suối, tiếng chim cuốc vọng vào đều đều… Bản làng đã thức giấc. Đó đây, ánh lửa hồng bập bùng trên các bếp. Ngoài bờ ruộng đã có bước chân người đi, tiếng nói chuyện rì rầm, tiếng gọi nhau í ới.

Tảng sáng, vòm trời cao xanh mênh mông. Gió từ trên đỉnh núi tràn xuống thung lũng mát rượi. Khoảng trời sau dãy núi phía đông ửng đỏ. Những tia nắng đầu tiên hắt chéo qua thung lũng, trải lên đỉnh núi phía tây những vệt sáng màu lá mạ tươi tắn…Ven rừng rải rác những cây lim đã trổ hoa vàng, những cây vải thiều đã đỏ ối những quả…

Nắng vàng lan nhanh xuống chân núi rồi rải vội lên đồng lúa. Bà con xã viên đã đổ ra đồng cấy mùa, gặt chiêm. Trên những ruộng lúa chín vàng, bóng áo chàm và nón trắng nhấp nhô, tiếng nói tiếng cười nhộn nhịp vui vẻ.

Mặt trời nhô dần lên cao. Ánh nắng mỗi lúc một gay gắt. Dọc theo những con đường mới đắp, vượt qua chiếc cầu gỗ bắc qua con suối, từng tốp nam nữ thanh niên thoăn thoắt gánh lúa về sân phơi. Tiếng cười giòn tan vọng vào vách đá.

*Hoàng Hữu Bội*

***Em hãy khoanh tròn vào chữ cái trước câu trả lời đúng:***

Câu 1: Những âm thanh rộn ràng lúc trời sắp sáng là âm thanh của những con vật nào ?

A. Gà mái, gà trống, chim chích choè.

B. Ve, chim cuốc, gà mái, lợn.

C. Gà trống, gà rừng, ve, chim cuốc.

Câu 2: Tại sao lúc trời sắp sáng tác giả chỉ tả âm thanh mà không tả hình ảnh?

A. Tại ở đây chỉ có âm thanh chứ không có hình ảnh.

B. Do tác giả ở trong nhà nên không nhìn thấy cảnh vật xung quanh.

C. Vì lúc bấy giờ cảnh vật còn chìm đắm trong màn đêm trông chưa rõ nét.

Câu 3: Lúc bản làng thức giấc, có hình ảnh nào?

A. Những cành cây vải thiều đã đỏ ối những quả.

B. Ánh lửa hồng bập bùng trên các bếp.

C. Bóng áo chàm và nón trắng nhấp nhô.

Câu 4: Trong đoạn văn: *“Tảng sáng* … *đỏ ối những quả.”* miêu tả gì ?

A. Cảnh đẹp của buổi sáng mùa hè trong thung lũng.

B. Sinh hoạt của đồng bào miền núi vào buổi chiều.

C. Hoạt động của đồng bào miền núi khi một ngày mới bắt đầu.

Câu 5: Bài văn miêu tả cảnh gì ?

A. Hoạt động nhộn nhịp của đồng bào miền đồng bằng vào buổi sáng mùa hè.

B. Cảnh đẹp và hoạt động nhộn nhịp của đồng bào miền núi trong buổi sáng mùa hè.

C. Cảnh đẹp và sự tỉnh lặng của miền núi vào buổi sáng mùa hè.

Câu 6: Trong câu: *“Tảng sáng, vòm trời cao xanh mênh mông*.*”* chủ ngữ là?

A. Tảng sáng.

B. vòm trời

C. vòm trời cao xanh

Câu 7: a, Trong các dãy từ dưới đây dãy từ nào chỉ gồm các từ đồng nghĩa với từ *“mênh mông”* ?

A. thăm thẳm, bao la, hẹp, xa xăm, hiu hắt.

B. bao la, thênh thang, bát ngát.

C. hẹp, nhỏ bé, nhỏ nhoi.

b, Em hãy đặt câu với 1 từ trong dãy từ vừa tìm được.

……………………………………………………………………………………

Câu 8: Từ dưới đây là từ trái nghĩa với từ *“chìm”* ?

A. nổi.

B. trôi.

C. lặn.

Câu 9: Trong các câu dưới đây, câu nào có từ *“thức”* mang nghĩa gốc?

A. Bình minh đánh thức không gian.

B. Bản làng đã thức giấc.

C. Mấy con gà rừng trên núi cũng thức dậy gáy te te.

Câu 10: Từ *“thung lũng”* thuộc loại từ nào ?

A. Danh từ.

B. Động từ.

C. Tính từ.

**Đáp án**

1. **Đọc thành tiếng: (3 điểm)**

Giáo viên đánh giá, cho điểm dựa vào những yêu cầu sau:

a. Đọc vừa đủ nghe, rõ ràng; tốc độ đọc đạt yêu cầu (không quá 1 phút): 0,5 điểm

(Đọc từ trên 1 phút - 2 phút: 0,25 điểm; đọc quá 2 phút: 0 điểm)

b. Đọc đúng tiếng, đúng từ, trôi chảy, lưu loát: 1 điểm

(Đọc sai từ 2 đến 4 tiếng: 0,5 điểm; đọc sai 5 tiếng trở lên: 0 điểm)

c. Ngắt nghỉ hơi ở các dấu câu, các cụm từ rõ nghĩa: 0,5 điểm

(Ngắt nghỉ hơi không đúng từ 2- 3 chỗ: 0,25 điểm; ngắt nghỉ hơi không đúng từ 4 chỗ trở lên: 0 điểm)

d. Trả lời đúng câu hỏi về nội dung đoạn đọc: 1 điểm

(Trả lời chưa đầy đủ hoặc diễn đạt chưa rõ ràng: 0,5 điểm; trả lời sai hoặc không trả lời được: 0 điểm)

\* Lưu ý: Đối với những bài tập đọc thuộc thể thơ có yêu cầu học thuộc lòng, giáo viên cho học sinh đọc thuộc lòng theo yêu cầu.

**2. Đọc hiểu: (7 điểm)**

Học sinh dựa vào nội dung bài đọc, chọn câu trả lời đúng và hoàn thành các bài tập đạt số điểm như sau:

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Câu | 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7, a | 8 | 9 | 10 |
| Khoanh đúng | C | C | B | A | B | B | B | A | C | A |
| Điểm | 0,5 | 0,5 | 0,5 | 1 | 1 | 0,5 | 0,5 | 0,5 | 1 | 0,5 |

Câu 7/b: HS đặt câu đúng được 0,5 điểm.

***\* Điều chỉnh sau bài dạy***

…………………………………………………………………………………………………...

**Tiết 5** **ĐỊA LÍ**

**Kiểm tra định kì cuối HKI**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

- Kiểm tra kiến thức đã học

**2. Năng lực:** Vận dụng kiến thức đã học để làm bài

**3. phẩm chất:** Yêu thích môn học, tích cực, chủ động làm bài

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

**1. Giáo viên:** Đề. Giấy KT.

**2. Học sinh:** BC, nháp.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

-GV phát đề

- HS làm bài

***Khoanh tròn vào chữ cái trước câu trả lời đúng (đối với các câu từ 1 đến 5)***

Câu 1. Số dân tộc trên đất nước ta là :

A. 45 B. 54 C. 55 D. 64

Câu 2. Ngành sản xuất chính trong nông nghiệp nước ta là:

A. Chăn nuôi.

B. Trồng trọt.

C. Chăn nuôi và trồng trọt.

D. Thủy sản.

Câu 3. Đặc điểm khí hậu nhiệt đới gió mùa ở nước ta:

A. Nhiệt độ cao, gió mưa thay đổi theo mùa.

B. Nhiệt độ cao, có nhiều gió và mưa.

C. Nhiệt độ thấp, gió mưa thay đổi theo mùa.

Câu 4. Phần đất liền nước ta giáp với các nước:

A. Trung Quốc.

B. Lào, Thái Lan, Cam- pu- chia.

C. Lào, Trung Quốc, Cam- pu- chia.

Câu 5: Trên phần đất liền của n­ước ta:

1. Đồng bằng và đồi núi có diện tích bằng nhau.
2.  diện tích là đồng bằng, diện tích là đồi núi.
3.  diện tích là đồng bằng, diện tích là đồi núi.

Câu 6: Nêu các điều kiện để Thành phố Hồ Chí Minh trở thành Trung tâm công nghiệp lớn nhất của cả nước?

**Đáp án**

Câu 1- 5 mỗi câu 1 điểm

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Câu | 1 | 2 | 3 | 4 | 5 |
| Đáp án | B | C | A | C | B |

Câu 6: 5 điểm:

Điều kiện để Thành phố Hồ Chí Minh trở thành trung tâm công nghiệp lớn nhất cả nước:

* Giao thông thuận lợi. (1đ)
* Là trung tâm văn hoá, khoa học kĩ thuật. (1đ)
* Có nhiều vốn đầu tư nước ngoài. (1đ)
* Dân cư đông đúc, người lao động có trình độ cao. (1đ)
* Ở gần vùng có nhiều lương thực, thực phẩm. (1đ)

***\* Điều chỉnh sau bài dạy***

…………………………………………………………………………………………………...

**Tiết 6** **KHOA HỌC**

**Sự chuyển thể của chất**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

**1. Kiến thức, kĩ năng:** Nêu được ví dụ về 1 số chất ở thể rắn, thể lỏng và thể khí.

**2. Năng lực:** Nhận thức thế giới tự nhiên, tìm tòi, khám phá thế giới tự nhiên, vận dụng kiến thức vào thực tiễn và ứng xử phù hợp với tự nhiên, con người.

**3. Phẩm chất:** Học sinh ham thích tìm hiểu khoa học, yêu thích môn học.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

**1. Giáo viên:** TV, MT. Tranh. Các tấm phiếu như trang 72 sgk.

**2. Học sinh:** SGK

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

|  |  |
| --- | --- |
| Hoạt động của GV | Hoạt động của HS |
| **1. Khởi động- Kết nối ( 3- 5’)**  - GV mở video  - Giới thiệu bài: nêu MT giờ học.  **2. Các hoạt động**  **HĐ1**: TC tiếp sức: Phân biệt 3 thể của chất (7-8’)  \* Yêu cầu cần đạt: HS biết phân biệt 3 thể của chất  \* Cách tiến hành:  - Chia lớp 3 đội, mỗi đội cử 5 - 6 HS tham gia.  - Y/c: dùng các tấm phiếu xếp vào cột phù hợp…  - Đưa ra đáp án đúng và công bố đội thắng cuộc.   |  |  |  | | --- | --- | --- | | **Thể rắn** | **Thể lỏng** | **Thể khí** | | Cát trắng | Cồn | Hơi nư­ớc | | Đ­ường | Dầu ăn | Ô-xi | | Nhôm | Nư­ớc | Ni-tơ | | N­ớc đá | Xăng |  | | Muối |  |  |   \* KL: các chất tồn tại ở thể rắn, thể lỏng và thể khí.  **HĐ2**: Trò chơi: “Ai nhanh, ai đúng” (7- 8’)  \* Yêu cầu cần đạt: nhận biết đ­ược đặc điểm của chất rắn, chất lỏng và chất khí.  \* Cách tiến hành:  - Y/c chọn câu trả lời đúng mục trò chơi/72 và ghi đáp án vào bảng con.  - Công bố đội thắng cuộc theo đáp án: 1- b; 2- c; 3- a  \* KL: nhấn mạnh đặc điểm của chất rắn, chất lỏng và chất khí.  **HĐ3**: Quan sát và thảo luận (8-10’)  \* Yêu cầu cần đạt: nêu đ­ược 1 số ví dụ về sự chuyển thể của chất  \* Cách tiến hành:  - Y/c quan sát hình trang 73  - Tìm VD khác sgk và nói về sự chuyển thể của nước ?  - Yêu cầu đọc VD  \* Kết luận: khi nhiệt độ thay đổi, một số chất có thể chuyển từ thể này sang thể khác.  **HĐ4**: Trò chơi: “Ai nhanh, ai đúng” (5- 6’)  \* Yêu cầu cần đạt: kể đ­ược tên một số chất ở 3 thể.  \* Cách tiến hành:  - Y/c kể tên các chất ở 3 thể; chất có thể chuyển từ thể rắn sang thể lỏng- thể lỏng sang thể khí và ngược lại.  \* Kết luận: tổng kết trò chơi.  **3.** **Củng cố, dặn dò** (1-2’)  - Nhận xét đánh giá tiết học, dặn chuẩn bị bài sau. | - HS khởi động  - Nghe y/c  - Các đội cử đại diện chơi  - Nghe  - Tham gia trò chơi  - Quan sát, trao đổi cặp  - T/lời, nx, bổ sung  - HS đọc  - Đọc: Bạn cần biết  - Thi kể theo dãy |

***\* Điều chỉnh sau bài dạy***

…………………………………………………………………………………………………...

**Tiết 7 THỂ DỤC**

**Sơ kết học kì I**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

**1. Kiến thức**, **kĩ năng**: Giúp học sinh.

- Sơ kết học kì I

- Học trò chơi "Chạy tiếp sức theo vòng tròn"

**2. Năng lực**: Rèn luyện năng lực hoạt động độc lập, hợp tác trong nhóm, mạnh dạn, tự tin trước tập thể.

**3. Phẩm chất**: HS có ý thức tập luyện thể dục thể thao để rèn luyện sức khỏe.

**II. ĐỊA ĐIỂM, PHƯƠNG TIỆN**

- Địa điểm: Trên sân trường

- Phương tiện: Chuẩn bị 2- 4 vòng tròn bán kính 4- 5m

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| Nội dung và phương pháp | Định lượng | Đội hình đội ngũ |
| **1. Phần mở đầu**  - Lớp trưởng tập hợp lớp, điểm số,báo cáo.  - GV nhận lớp, phổ biến nhiệm vụ yêu cầu bài học.  - HS chạy nhẹ nhàng theo 1 hàng dọc trên địa hình tự nhiên  - HS chơi trò chơi "Kết bạn"  **2. Phần cơ bản**  *a. Sơ kết học kì I*  - Hệ thống lại những kiến thức, kĩ năng đã học trong học kì I.  -Ôn tập hợp hàng dọc, hàng ngang, dóng hàng, điểm số, dồn hàng, đứng nghiêm, nghỉ, quay phải, trái, đi đều vòng phải, trái, đổi chân khi đi đều sai nhịp và cách chào, báo cáo, xin phép ra vào lớp.  - Ôn bài thể dục phát triển chung.  - HS thực hiện bài thể dục phát triển chung.  - Ôn 1 số trò chơi.  - Học mới các trò chơi: Ai nhanh và khéo hơn, chạy nhanh theo số.  - HS chơi trò chơi theo sự hướng dẫn của GV.  - GV nhận xét, đánh giá kết quả học tập của HS  *b. Chơi trò chơi"Chạy tiếp sức theo vòng tròn"*  - GV nêu tên trò chơi và nội qui chơi  - Cho HS chơi chính thức  - GV điều khiển làm trọng tài cuộc chơi và nhắc HS đề phòng chấn thương.  **3. Phần kết thúc**  - GV cùng HS hệ thống bài  - HS đứng tại chỗ vỗ tay hát.  - GV nhận xét,đánh giá kết quả bài học.  - Dặn học sinh về nhà tập luyện . | 6 -10'      18-22'  16-20'  5 - 6'  4 - 6' | 🚹🚹🚹🚹🚹🚹🚹🚹🚹  🚹🚹🚹🚹🚹🚹🚹🚹🚹  🚹      🚹🚹🚹🚹🚹🚹🚹🚹🚹  🚹🚹🚹🚹🚹🚹🚹🚹🚹  🚹 |

**Thứ Sáu ngày 5 tháng 1 năm 2024**

**Tiết 1 TOÁN**

**Hình thang**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

**1. Kiến thức, kĩ năng**: Giúp học sinh.

- Hình thành biểu t­ượng về hình thang.

- Nhận biết đ­ược một số đặc điểm của hình thang, phân biệt đ­ược hình thang với 1 số hình đã học.

- Biết vẽ hình để rèn kĩ năng nhận dạng hình thang và một số đặc điểm của hình thang.

**2. Năng lực:** HS tích cực chủ động vận dụng kiến thức vào làm tính và giải toán nhanh, chính xác, cách trình bày gọn gàng, khoa học.

**3. Phẩm chất:** Rèn luyện phẩm chất yêu thích học môn Toán.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

- Bộ đồ dùng dạy học Toán 5, TV, MT, MS

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của thầy** | **Hoạt động của trò** |
| **1. Khởi động, kết nối** (3 - 5’)  - GV mở vi deo  - Nêu đặc điểm của hình tam giác?  - Nêu cách tính hình tam giác?  **2. Hình thành kiến thức** (14 - 15’)  a. Hình thành biểu t­ượng hình thang.  - Giáo viên cho HS quan sát hình vẽ cái thang trong SGK để HS nhận ra những đặc điểm của hình thang.  - GV vẽ hình thang.  - Hình thang có mấy cạnh?  - Có 2 cạnh nào song song với nhau?  - Hai cạnh song song có vị trí thế nào với nhau?  => Hình thang có 1 cặp cạnh song song gọi là 2 cạnh đáy (đáy nhỏ, đáy lớn). Hai cạnh còn lại là 2 cạnh bên.  - Đọc tên đáy, cạnh bên của hình thang.  b.Vẽ đ­ường cao của hình thang.  - GV chỉ vào (hình vẽ trên bảng) đư­ờng cao và giới thiệu AH là đ­ường cao của hình thang ABCD  - Nhận xét về đ­ưòng cao AH và quan hệ giữa đư­ờng cao với 2 đáy.  => Giáo viên chốt lại các đặc điểm của hình thang.  - Gọi HS nêu lại các đặc điểm của hình thang, cách vẽ đ­ường cao trong hình thang.  **3. Luyện tập** (17- 18’)  a. Bài 1/91  - GV chữa bài, nhận xét.  + Những hình nào là hình thang?  + Vì sao H3 không phải là hình thang?  => Nêu đặc điểm của hình thang?  b. Bài 2/92  - Trong 3 hình đó hình nào là hình thang?  - Vì sao hình 1,2 không phải hình thang?  => Hình thang phải có cặp cạnh đối diện song song với nhau  c. Bài 3/92(Dành cho HS tiếp thu nhanh)  - GV cchữa, nhận xét.  d. Bài 4/92  - GV chấm chữa, nhận xét.  => Hình thang có 1 cạnh bên vuông góc với 2 đáy là hình thang vuông.  \* Dự kiến sai lầm:  - Ở bài tập 1 nhiều HS không tìm đúng, đủ các hình thang.  **3.Củng cố, dặn dò** (2- 3’)  - Nêu đặc diểm của hình thang?  - Về nhà đọc bài, chuẩn bị bài sau: | - HS Khởi động  - HS nêu.  - HS quan sát SGK.  - Có 4 cạnh.  - AB và CD.  - Đối diện nhau.  - HS đọc  - Đ­ường cao AH đư­ợc nối từ đáy bé xuống đáy lớn và vuông góc với 2 đáy.  - HS nêu.  - HS đọc bài, nêu yêu cầu  - HS làm nháp, chữa bài, nhận xét.  + Hình 1, 2, 4, 5, 6  - HS nêu.  - HS đọc bài, nêu yêu cầu.  - HS thảo luận theo nhóm 4.  - Các nhóm nêu kết quả thảo luận, các nhóm khác nhận xét, bổ sung.  - HS nêu.  - HS nêu  - HS đọc bài, nêu yêu cầu  - HS làm nháp  - HS nêu.  - HS đọc bài, nêu yêu cầu.  - HS làm vở, soi bàichữa bài, nhận xét.  - HS nêu. |

***\* Điều chỉnh sau bài dạy***

…………………………………………………………………………………………………...

**Tiết 3**  **TẬP LÀM VĂN**

**Kiểm tra định kì cuối HKI (Viết) (Tiết 8)**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

**1. Kiến thức, kĩ năng:**

- Kiểm tra kiến thức về viết chính tả và tập làm văn tả cảnh.

**2. Năng lực:** Vận dụng kiến thức đã học để làm bài

**3. phẩm chất:** Yêu thích môn học, tích cực, chủ động làm bài

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

**1. Giáo viên:** Đề. Giấy KT.

**2. Học sinh:** BC, nháp.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

-GV phát đề

- HS làm bài

**Kiểm tra viết: (10 điểm)**

**1. Chính tả: (2 điểm)**

**Bài viết: Chú bé vùng biển**.

Thằng Thắng, con cá vược của thôn Bần và là địch thủ bơi lội đáng gờm nhất của bọn trẻ, lúc này đang ngồi trên chiếc thuyền đậu ở ngoài cùng. Nó trạc tuổi thằng Chân "phệ" nhưng cao hơn hẳn cái đầu. Nó cởi trần phơi nước da rám đỏ khỏe mạnh của những đứa trẻ lớn lên với nắng, nước mặn và gió biển. Thân hình nó rắn chắc, nở nang: cổ mập, vai rộng, ngực nở căng, bụng thon hằn rõ những múi, hai cánh tay gân guốc như hai cái bơi chèo.

*Theo Trần Vân*

- GV đọc cho HS viết, thời gian HS viết bài khoảng 15 phút.

- Đánh giá, cho điểm: Bài viết không mắc lỗi chính tả, chữ viết rõ ràng, trình bày sạch sẽ và đúng theo đoạn văn: 2 điểm.

- Học sinh viết mắc mỗi lỗi chính tả trong bài viết (sai- lẫn phụ âm đầu hoặc vần, thanh; không viết hoa đúng quy định): trừ 0,1 điểm.

Lưu ý: Nếu chữ viết không rõ ràng, sai về độ cao, khoảng cách, kiểu chữ hoặc trình bày bẩn,…bị trừ 1 điểm toàn bài.

**2. Tập làm văn: (8 điểm)**

Đề bài: Em hãy tả lại một cơn mưa rào mùa hạ.

- Đảm bảo được các yêu cầu sau, được 8 điểm:

+ Học sinh viết được một bài văn thể loại theo yêu cầu của đề (có mở bài, thân bài, kết bài) một cách mạch lạc, có nội dung phù hợp theo yêu cầu của đề bài.

+ Viết câu đúng ngữ pháp, dùng từ đúng, không mắc lỗi chính tả.

+ Chữ viết rõ ràng, trình bày bài viết sạch đẹp.

- Tùy theo mức độ sai sót về ý, về diễn đạt và chữ viết có thể cho các mức điểm phù hợp với thực tế bài viết.

\* Bài đạt điểm 8 khi học sinh có sử dụng ít nhất từ 1 đến 2 biện pháp nghệ thuật trong tả cảnh.

- Mở bài đúng thể loại: Nêu được cảnh tả là một cơn mưa rào mùa hạ:(1,0 điểm)

- Thân bài: tối đa 6 điểm

+ Tả được cơn mưa từ lúc bắt đầu mưa đến lúc kết thúc.

+ Kết hợp tả được con người, con vật có liên quan đến cơn mưa.

- Kết bài: Nêu được cảm nghĩ về cơn mưa: (1,0 điểm).

Lưu ý: Học sinh viết bài tùy theo mức độ mà GV cho điểm đúng theo bài làm của học sinh

***\* Điều chỉnh sau bài dạy***

…………………………………………………………………………………………………...

**Tiết 4** **KHOA HỌC**

**Hỗn hợp**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

**1. Kiến thức, kĩ năng:** Giúp học sinh.

          - Nêu được một số ví dụ về hỗn hợp

- Thực hành tách các chất ra khỏi một số hỗn hợp.

**2. Năng lực**: Rèn luyện năng lực hoạt động độc lập, trong nhóm, mạnh dạn tự tin trước tập thể. Biết vận dụng kiến thức đã học vào làm bài tập; tự giải quyết nhanh gọn và khoa học và khoa học, đúng với yêu cầu đề bài.

**3. Phẩm chất**: Rèn luyện phẩm chất yêu thích khoa học.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

          - TV, MT

          - Muối, bột ngọt, hạt tiêu xây, cát, nước, dầu ăn; chén, muỗng.

**III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của thầy** | **Hoạt động của trò** |
| **1. Khởi động, kết nối** (3- 5’)  - GV mở vi deo  - Yêu cầu trả lời các câu hỏi sau:   + Các chất toàn tại ở những thể nào? Ví dụ.   + Ở điều kiện nào thì chất có thể biến đổi từ thể này sang thể khác ? Sự biến đổi đó gọi là gì ?  - Nhận xét và GTB  **2. Hình thành kiến thức**  ***HĐ1: Thực hành “Tạo một hỗn hợp gia vị” (8- 10’)***  \* Mục tiêu: HS biết cách tạo ra một hỗn hợp.  \* Cách tiến hành:  - Chia lớp thành 6 nhóm, yêu cầu mỗi nhóm tạo một hỗn hợp gia vị gồm muối, bột ngọt, hạt tiêu xây và ghi theo mẫu sau:   |  |  | | --- | --- | | Tên và đặc điểm của từng chất tạo ra hỗn hợp | Tên hỗn hợp và đặc điểm của hỗn hợp. | | 1. Muối  ------------- |  | | 2. Bột ngọt:----------- | | 3. Tiêu xây:---------- |   - Thảo luận câu hỏi:   + Để tạo ra hỗn hợp gia vị cần có những chất nào?  + Hỗn hợp là gì?  - Yêu cầu trình bày kết quả.  \* Nhận xét, kết luận: Hai chất trở lên trộn lẫn với nhau gọi là hỗn hợp. Trong hỗn hợp, mỗi chất vẫn giữ nguyên tính chất của nó.  ***HĐ 2: Thảo luận (8- 10’)***  \* Mục tiêu: HS kể được tên một số hỗn hợp.  \* Cách tiến hành:  - Chia lớp thành 6 nhóm, yêu cầu thảo luận và trả lời các câu hỏi:  + Theo bạn, không khí là một chất hay một hỗn hợp?  + Kể tên một số hỗn hợp khác mà em biết.  \* Nhận xét, kết luận.  ***HĐ3: Trò chơi “Tách các chất ra khỏi hỗn hợp” (6- 8’)***  \* Mục tiêu: HS biết được các phương pháp tách riêng các chất trong một số hỗn hợp..  \* Cách tiến hành:  - Chia lớp thành 6 nhóm, yêu cầu thảo luận, ghi đáp án vào bảng con rồi lắc trống sau khi nghe đọc câu hỏi xong.  - Lần lượt đọc từng câu hỏi.  \* Nhận xét, tuyên dương nhóm trả lời nhanh và đúng theo đáp án sau: Hình 1: Làm lắng; Hình 2: Sảy; Hình 3: Lọc  **3. Củng cố dặn dò** (2- 4’)  - Yêu cầu đọc mục Bạn cần biết SGK/74.  - Biết cách tạo hỗn hợp cũng như tách các chất trong hỗn hợp, các em có thể phụ giúp gia đình trong việc chuẩn bị bữa cơm gia đình.  - Nhận xét tiết học.  - Chuẩn bị bài Dung dịch. | - HS khởi động  - HS được chỉ định trả lời câu hỏi.                - Chia nhóm theo yêu cầu, nhóm trưởng điều khiển nhóm tạo hỗn hợp cho vừa khẩu vị của nhóm và ghi nhận xét để báo cáo.    - Nhóm thảo luận.    - Đại diện nhóm  trình bày.  - Nhận xét, bổ sung.      - Nhóm trưởng điều khiển nhóm thảo luận và trình bày kết quả:  + Là một hỗn hợp.  + Gạo lẫn trấu, muối lẫn cát,…  - Nhận xét, bổ sung.    - Nhóm trưởng điều khiển nhóm thảo luận và ghi bảng.  - Thực hiện theo yêu cầu.  - Nhận xét, bình chọn nhóm thắng cuộc.      - Tiếp nối nhau đọc |

***\* Điều chỉnh sau bài dạy***

…………………………………………………………………………………………………...

\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_